

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HS-ST
Ngày 05-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huỳnh Đình.

Ông Phạm Minh Đức.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2023/HSST- QĐ ngày 23/6/2023 đối với các bị cáo:

1. Bùi Ngọc Th, sinh năm 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 24/8 đường H, tổ 32, khu phố 3, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: B20/30 ấp 2, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc T và Mai Thị H; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hoàng O và 01 người con; tiền án: ngày 06/9/2020 Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án 105/2020/HS-ST), tiền sự: không; nhân thân: ngày 16/11/1995, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Giả mạo giấy chứng nhận của cơ quan Nhà nước” (Bản án 1601/HS-PT); ngày 24/9/1996, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Giả mạo giấy chứng nhận của cơ quan Nhà nước, của tổ chức xã hội” (Bản án 607/HS-ST); ngày 24/9/1999, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (Bản án 1713/HS-PT); ngày 21/4/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện ma

túy để cắt cơn, giải độc, ngày 21/7/2019 được gia đình bảo lãnh để tiếp tục cai nghiện; bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2022, có mặt.

2. Phạm Vũ Q (tên gọi khác: Tý), sinh năm 1993 tại tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Vũ S và Nguyễn Thị N; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 18/7/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 07 năm tù về tội “Giết người” và 01 năm tù về tội “Cướp tài sản” (Bản án số 18/2011/HS-ST); bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2022, có mặt.

3. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 111/20 đường N, tổ 11, ấp 2, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Y; bị cáo có vợ là Đường Thị Thanh T và 01 người con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 20/10/1999, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 11 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số 2517/HS-ST); ngày 25/12/2013, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 212/2013/HS-ST); ngày 08/8/2012, Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2022, có mặt.

4. Trần Văn N (tên gọi khác: Huy), sinh năm 1990 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm C, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Trần Thị V; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 26/4/2018, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 66/2018/HS-ST); ngày 26/11/2013, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 101/2013/HS-ST); bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2022, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Ông Nguyễn Bảo P, là Luật sư Công ty luật TNHH LPV thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương là người bào chữa cho bị cáo Phạm Vũ Q, vắng mặt.

2. Ông Lê Văn L, là Luật sư Công ty luật TNHH MTV HITRUST thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương là người bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc Th, có mặt.

3. Bà Đinh Thị Thanh T, là Luật sư Công ty luật TNHH Anh Lê thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ, có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh 1988, nơi cư trú: số 400/31/12 T, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Trần Hữu P, sinh năm 1971, nơi cư trú: số 10/7F đường T, khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1992, nơi cư trú: B6/8A1 ấp 2, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1981, nơi cư trú: A5/31D tổ 5, ấp 1, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Bà La Mỹ P, sinh năm 1968, nơi cư trú: C3/33D tổ 8C, ấp 3, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Ngọc Th, Phạm Vũ Q (tên gọi khác: Tý), Nguyễn Văn Đ, và Trần Văn N (tên gọi khác: Huy) là bạn bè quen biết khi cùng đi chấp hành án và sử dụng ma túy chung.

Vào ngày 30/7/2022, Q và Đ đến nhà Th ở xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và nói với Th sẽ đi trộm xe ô tô đầu kéo bán lấy tiền tiêu xài và nhờ Th bán. Th nói với Q và Đ “Xe lớn khó bán nhưng sẽ cố gắng”. Sau đó, Q và Đ đi về. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô (không nhớ rõ biển số) chở Q đi đến đường số 17 khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương thì nhìn thấy xe ô tô đầu kéo biển số 51C-588.02 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 51R- 10058 đang đỗ ở lề đường và không có người trông giữ xe. Lúc này, Q chui xuống gầm xe ô tô đầu kéo nằm để đợi khi vắng người, ít xe qua lại sẽ trộm xe, còn Đ điều khiển xe mô tô qua lại khu vực xe ô tô đầu kéo để cảnh giới.

Đến khoảng 01 giờ 50 phút ngày 31/7/2022, Q nhặt một viên gạch (có dính bê tông) ở bên đường và dùng viên gạch ném vỡ kính cửa phụ và gương chiếu hậu (bên lơ) của xe ô tô đầu kéo rồi trèo vào xe. Khi thấy chìa khóa cắm sẵn trên xe, Q nổ máy và điều khiển xe ra khỏi khu công nghiệp Sóng Thần 2, Đ điều khiển xe mô tô chạy theo phía sau. Khi đi đến cầu vượt Bình Chánh, Q đỗ xe ô tô đầu kéo bên đường. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô chở Q đến nhà Th. Tại đây, Đ, Q gặp Th, N. Đ, Q kể lại việc trộm xe container và nhờ T tìm người mua xe. Th liên hệ nhiều người để bán nhưng không được nên Đ, Q nhờ N tìm bãi đậu xe và hứa cho N tiền cà phê. N điện thoại cho ông Nguyễn Hữu T nhờ tìm bãi đậu xe. Ông T gửi số điện thoại của ông Phạm Văn Q (ông Q có bãi đậu xe gần nơi T ở)

và gửi định vị bãi đậu xe của Qi cho N. N dẫn Đ, Q điều khiển xe đến bãi đậu xe thì bị lạc đường nên N điện cho T nhờ dẫn đường cho xe Đ và Q đến bãi đậu xe của Qi ở Công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Thịnh Phát, địa chỉ số: B6/8A1, ấp 2, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Th liên lạc với Dương Hữu K, La Mỹ P, Vũ Trọng B để bán xe ô tô đầu kéo làm phế liệu nhưng họ không mua. Th lên mạng xã hội Facebook phát hiện chủ xe đang tìm xe và có nêu điều kiện hậu tạ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) nếu tìm thấy xe nên bàn bạc với Đ và Q liên hệ ông Trần Hữu P (là chủ xe) để trả xe rồi lấy số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) nhưng không thành công do ông P yêu cầu phải trực tiếp giao xe rồi mới trả tiền.

Ngày 02/8/2022, Công an phát hiện chiếc xe ô tô đầu kéo và sơ mi rơ moóc trên đang được cất giấu tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Thịnh Phát, địa chỉ: số B6/8A1, ấp 2, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên tiến hành thu giữ. Đến ngày 03/8/2022, Q, Đ, N, Th đến Công an tỉnh Bình Dương đầu thú về hành vi phạm tội.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐGTS ngày 05/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Dương, kết luận như sau:

- Một ô tô đầu kéo biển số 51C-588.02 (tình trạng kỹ thuật chung còn lại 44%) là 535.000.000 đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu đồng).

- Một sơ mi rơ moóc biển số 51R-100.58 (tình trạng kỹ thuật chung còn lại 40%) là 116.667.000 đồng (một trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) (Bút lục số 277-278).

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 05/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Dương, kết luận như sau:

Giá trị thiệt hại tài sản là kiềng cửa phụ (bên lơ) và gương chiếu hậu (bên lơ) của xe ô tô biển số 51C-588.02 (Chi phí sửa chữa, khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản) là: 1.633.000 đồng (một triệu sáu trăm ba mươi ba triệu đồng).

Cáo trạng số 49/CT-VKSBD.P1 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q và Bùi Ngọc Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn Ng về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Về nhân thân: các bị cáo có nhân thân xấu; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Bùi Ngọc Th phạm tội thuộc trường hợp tái phạm; các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q, Trần Văn N không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo Đ, Q, N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo ra đầu thú; tài sản đã thu hồi giao trả cho chủ sở hữu; bị hại xin giảm nhẹ

hình phạt cho các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho các bị cáo. Riêng bị cáo Th chưa thành khẩn khai báo, chưa ăn năn hối cải nên đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Kiểm sát viên đề nghị xử phạt Nguyễn Văn Đ mức hình phạt từ 13 năm đến 14 năm tù, xử phạt Phạm Vũ Q mức hình phạt từ 13 năm đến 14 năm tù, xử phạt Bùi Ngọc Th mức hình phạt từ 13 năm đến 14 năm tù, xử phạt Trần Văn N mức hình phạt từ 07 năm đến 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Trần Văn N ban đầu khai có giúp Q đi gửi xe đầu kéo và rơ mooc nhưng không biết tài sản do Q, Đ phạm tội mà có. Tuy nhiên, sau khi nghe công bố lời khai mà bị cáo N đã khai tại Cơ quan điều tra thì bị cáo N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo T cho rằng bị cáo không trực tiếp trộm xe và cũng từ chối bán xe cho Q và Đ, bị cáo thừa nhận lời khai trong quá trình điều tra là đúng nhưng cho rằng hành vi của bị cáo không phải là trộm cắp tài sản. Lời nói sau cùng, các bị cáo Q, Đ, N rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin lỗi bị hại, xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất để có điều kiện làm lại cuộc đời. Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tội danh của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Th, Luật sư Lê Văn L trình bày: Do tại phiên tòa bị cáo Th không thừa nhận hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản”, căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra xác định hành vi của bị cáo Th phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

Người bào chữa cho bị cáo Đ, Luật sư Đinh Thị Thanh T trình bày: Người bào chữa thống nhất về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Đ. Tuy nhiên, bị cáo Đ không phải là người rủ rê, bị cáo Đ không biết lái xe ô tô nên không thể là rủ rê trộm xe; sau khi phạm tội, bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Bị hại Trần Hữu P trình bày: Thống nhất với bản cáo trạng truy tố, chiếc xe các bị cáo chiếm đoạt là xe chung của ông P và ông A. Ông P đã nhận xe, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát không đồng ý với quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Th, Viện kiểm sát xác định hành vi của bị cáo Thành đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

Tại phiên tòa Luật sư Nguyễn Bảo P là người bào chữa cho bị cáo Phạm Vũ Q vắng mặt, bị cáo Q có đơn từ chối người bào chữa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 77 và Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người bào chữa cho bị cáo Phạm Vũ Q.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q và Trần Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tình tiết như nội dung Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản chiếm đoạt.

Bị cáo Bùi Ngọc Th không thừa nhận hành vi của mình là tội “Trộm cắp tài sản” nhằm trốn tránh sự trừng trị của pháp luật, tuy nhiên căn cứ vào lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q các lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Để có tiền tiêu xài các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q, Bùi Ngọc Th bàn bạc trộm xe ô tô đầu kéo, để thực hiện ý định trên vào khoảng 01 giờ 50 phút ngày 31/7/2022 tại đường số 17 khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q lén lút đập vỡ kính cửa phụ rồi leo vào ca bin xe ô tô đầu kéo biển số 51C-588.02 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 51R-10058 thuộc quyền sở hữu chung của ông Nguyễn Văn A và Trần Hữu P và chạy xe đến huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để giao xe cho Bùi Ngọc Th đem bán. Theo Bản Kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐGTS ngày 05/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Dương thì giá trị chiếm đoạt là 651.667.000 đồng.

Hành vi các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q, Bùi Ngọc Th đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn N không hứa hẹn trước và biết rõ chiếc xe ô tô đầu kéo biển số 51C-588.02 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 51R- 10058 là do các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q, Bùi Ngọc Th phạm tội “Trộm cắp tài sản” mà có nhưng đã chứa chấp bằng cách đưa xe đi cất giấu nên đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q, Bùi Ngọc Th phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn Ng về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, mức đề nghị hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi các bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, xét tài sản cũng đã được thu hồi, tại phiên tòa bị hại đã có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng mức hình phạt Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q, Bùi Ngọc Th thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đ là có căn cứ nên chấp nhận; ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Th là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật, không phù hợp với hành vi khách quan bị cáo Th đã thực hiện nên không chấp nhận.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác và chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý phạm tội.

Trong vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, trong đó bị cáo Đ là người khởi xướng và cùng bị cáo Q trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Th là đồng phạm giúp sức, tìm người tiêu thụ tài sản, bị cáo Th phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng mức hình phạt các bị cáo ngang nhau; các bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án có thẩm quyền đưa ra xét xử nhưng không lấy đó làm bài học để tự giáo dục rèn luyện mà lại cố ý phạm tội là thể hiện coi thường pháp luật. Do đó khi quyết định hình phạt cũng cân xem xét, cân nhắc và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân của từng bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Ngọc Th phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q và Trần Văn N phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú; các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q và Trần Văn N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi giao trả cho chủ hữu; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo Đ, Q, N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Th được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt là xe ô tô đầu kéo biển số 51C-588.02 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 51R- 10058 giá trị 651.667.000 đồng đã được thu hồi giao trả cho chủ sở hữu. Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đối với hành vi dùng viên gạch đập vỡ kiềng cửa phụ và gương chiếu hậu xe ô tô đầu kéo của Phạm Vũ Q, do giá trị thiệt hại chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên không đề cập xử lý.

[7] Đối với hành vi của Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Qi dẫn đường và cung cấp nơi đỗ xe ô tô đầu kéo, do cả hai không biết xe trên là tài sản mà các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý là phù hợp.

[8] Đối với xe mô tô mà Q và Đ sử dụng trong quá trình thực hiện tội phạm. Qua điều tra xác định xe mô tô trên của một người khách hàng (không rõ nhân thân, lai lịch) nhờ Th sửa. Vào ngày 30/7/2022, Đ mượn Th chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Đ đã trả lại xe mô tô trên cho Th; Th trả lại cho khách và hiện không biết chiếc xe mô tô trên ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q, Bùi Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Trần Văn N phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Th 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2022.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2022.

- Xử phạt bị cáo Phạm Vũ Q 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2022.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51;

Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2022.

3. Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Vũ Q, Bùi Ngọc Th và Trần Văn Ng mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (4);
- Bị hại (2);
- Người bào chữa (3);
- Người tham gia tố tụng khác (3);
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương (3);
- Tổ Hành chính tư pháp (2);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (8);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, PHT 35.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ